

Số: 46/QĐ-HDH

Khánh hòa, ngày 08 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021
của Viện Hải dương học

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN HẢI DƯƠNG HỌC

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-VHL ngày 28/02/2013 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Hải dương học;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 được giao;

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng, phụ trách Phòng QLTH.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Viện Hải dương học (biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Trưởng phòng, phụ trách Phòng QLTH, Tài vụ và các đơn vị trực thuộc liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban KH-TC (Viện HLKHCNVN);
- Trang Web Viện HDH;
- Lưu VT.



Dào Việt Hà

Đơn vị: Viện Hải dương học

Mã chương: 046

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

Năm 2021

(Kèm theo Quyết định số 46 /QĐ-HDH ngày .08../02../2022 của Viện Hải dương học)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Ước thực hiện/Dự toán năm	Ước thực hiện năm nay/ Năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	15.000,0	2.879,7	19,2	40,8
1	Lệ phí				
2	Phí	15.000,0	2.879,7	19,2	40,8
	Phí Bảo tàng	15.000,0	2.879,7	19,2	40,8
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	13.727,0	2.879,9	21,0	29,3
1	Chi sự nghiệp	13.727,0	2.879,9	21,0	29,3
a	Kinh phí thường xuyên	13.727,0	2.879,9	21,0	29,3
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.273,0	244,8	19,2	69,3
1	Lệ phí				
2	Phí	1.273,0	244,8	19,2	69,3
	Phí Bảo tàng	1.273,0	244,8	19,2	69,3
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	27.908,3	63.214,9	226,5	2.416,7
I	Nguồn kinh phí trong nước	27.908,3	63.214,9	226,5	2.416,7
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học và công nghệ	24.058,3	20.579,8	85,5	207,9
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	11.550,0	8.135,1	70,4	428,4
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ (KP năm trước chuyển sang là: 502,3 tr đồng)	11.550,0	8.135,1	70,4	428,4
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	11.180,3	11.167,0	99,9	107,3
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.328,0	1.277,7	96,2	112,2
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế	390,0	386,9	99,2	83,4

6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	390,0	386,9	99,2	83,4
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.700,0	40.538,0	2.384,6	1.933,1
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (KP Dự án: Nâng cấp trạm quan trắc và phân tích môi trường biển Miền Nam Việt Nam chuyển sang là: 38.945,1 tr đồng)	1.700,0	40.538,0	2.384,6	1.933,1
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	1.760,0	1.710,2	97,2	59,5
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.760,0	1.710,2	97,2	59,5
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

Ngày 08 tháng 02 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Đào Việt Hà